

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/DS-ST

Ngày: 16/8/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Ông Vũ Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1)

Địa chỉ: 2 N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ chi nhánh: 3 Đường số C, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T – Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T1

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: ông Nguyễn Nhật B – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T1.

2. *Bị đơn:* bà Trương Thị P, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau: Ngày 15/11/2021 bà Trương Thị P có xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S, cụ thể như sau:

Số hợp đồng tín dụng: 2021126428225 ngày 15/11/2021; số giấy nhận nợ: LD2131900504 ngày 15/11/2021; số tiền vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); lãi suất vay 10%; thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 15/11/2021-15/11/2023); thời điểm trả hết nợ 15/11/2023; phương thức trả nợ: vốn và lãi góp đều 24 kỳ; kỳ trả lại: ngày 30 định kỳ hàng tháng; dư nợ 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Khi vay không có biện pháp bảo đảm. S1 được toàn quyền xử lý (hoặc chỉ định bên thứ ba để xử lý) bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của bên được cấp tín dụng để thu hồi nợ trong trường hợp bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tính đến ngày 06/3/2024, bà P phải trả số tiền nợ gốc 18.750.000đồng; lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh: 6.467.671 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải thanh toán là 25.217.671 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm mười bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng).

Mặc dù Ngân hàng TMCP S đã thường xuyên liên lạc qua điện thoại, đôn đốc, yêu cầu bà Trương Thị P có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà P trả nợ, tuy nhiên bà P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/3/2024 là: 25.217.671 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm mười bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng) bao gồm: nợ gốc là 18.750.000đồng, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh là 6.467.671 đồng. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu bà P có trách nhiệm trả lãi phát sinh kể từ ngày 06/3/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Trương Thị P: Bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Trương Thị P thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là nợ gốc là 18.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.750.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 16/8/2024 là 4.348.048 đồng; tổng số tiền gốc và lãi là 26.848.048 đồng. Đồng thời yêu cầu bà P trả lãi phát sinh kể từ ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Trương Thị P cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: theo tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng TMCP S cung cấp kèm theo hồ sơ khởi kiện thể hiện bị đơn Trương Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Tuy nhiên, hiện nay bà P không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu. Do đó, có cơ sở xác định nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo quy định của pháp luật. Hiện nay không rõ bà P đi đâu. Vì vậy, có cơ sở xác định việc bà P vắng mặt tại nơi cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, do không tổng đạt được văn bản tố tụng của Tòa án cho bà P nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án cũng đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án và ấn định thời gian giải quyết vụ án trên B1 03 kỳ liên tiếp, thông báo trên Đài T Việt Nam 03 kỳ liên tiếp. Tuy nhiên, bà P vẫn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do đó, đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

Xét thấy, các bên ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà P trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi là đúng quy định pháp luật. Trước yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên không thể hiện ý kiến. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có

cơ sở chấp nhận, buộc bà Trương Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gồm: nợ gốc là 18.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.750.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 16/8/2024 là 4.348.048 đồng, tổng số tiền lãi là 8.098.048 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 26.848.048 đồng. Đồng thời yêu cầu bà P trả lãi phát sinh kể từ ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

[4] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Nguyên đơn phải chịu chi phí cho việc đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Trương Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S (thông qua Chi nhánh huyện T1) số tiền gốc nợ gốc 18.750.000 đồng và tổng số tiền lãi là 8.098.048 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 26.848.048đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bốn mươi tám đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 630.000đ (sáu trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 00003565 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Bà Trần Thị Quyên C phải chịu 1.342.402đ (một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm lẻ hai đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí cho việc đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 24.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc Ánh